TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2022/DS-PT
Ngày: 31/3/2022
V/v: "*Tranh chấp thừa kế tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiến**
Các thẩm phán: Ông **Lê Phước Thanh**
Ông **Lê Tự**

Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Dung**, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/TBTL-TA ngày 30 tháng 11 năm 2020 về "*Tranh chấp thừa kề tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1322/2022/QĐ-PT ngày 15/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Hứa Văn Đ, sinh năm 1952; địa chỉ: 41 P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (đã chết)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hứa Việt A; địa chỉ: 21 P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hứa Văn Đ:

1.1 Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ 2, Đông Bắc, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

1.2 Ông Hứa Việt A; địa chỉ: 21 P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Q và ông Hứa Việt A: Ông Huỳnh Tấn K, sinh năm 1981; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

1.3 Bà Hứa Thị Thùy C, sinh năm 1976; địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

1.4 Bà Hứa Thị Thùy T, sinh năm 1977; địa chỉ: Đ Nai. Vắng mặt

1.5 Chị Hứa Thị Thùy N, sinh năm 1988; địa chỉ: Đ Nai. Vắng mặt

1.6 A Hứa Việt Q, sinh năm 1981; địa chỉ: phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

1.7 Chị Hứa Thị Thùy T, sinh năm 1985; địa chỉ: phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

1.8 A Hứa Việt C, sinh năm 1991; địa chỉ: địa chỉ: phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

1.9 Hứa Việt H (đã chết năm 2009)

2. Bà Hứa Thị G, sinh năm 1950; Trú tại: thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

Cụ Võ Thị C - sinh năm 1914 (Mất năm 2013);

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ C:

Ông Hứa Văn Đ; Trú tại: 41 P, phường V, thành phố N, Khánh Hòa; (đã chết)

Bà Hứa Thị G; Trú tại: thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

- Bị đơn: Ông Hứa Đức T, sinh năm 1937 (chết năm 2011) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1943;

Địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T:

1. A Hứa Đức T, sinh năm 1977; Vắng mặt

2. Chị Hứa Thị Kim T, sinh năm 1973; Vắng mặt

Cùng trú tại: số 299 đường X, phường V, thành phố N, Khánh Hòa.

3. A Hứa Văn T, sinh năm 1959; Trú tại: số 297 đường X, phường V, thành phố N, Khánh Hòa. Vắng mặt

4. A Hứa Đức T, sinh năm 1971; Trú tại: số 301 đường X, phường V, N, Khánh Hòa. Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt

5. A Hứa Đức T, sinh năm 1961 (chết năm 2015)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T:

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1963 (Vợ ông Hứa Đức T); Vắng mặt

- A Hứa Đức T, sinh năm 1984 (Con ông Hứa Đức T); Vắng mặt

- A Hứa Trần T, sinh năm 1988 (Con ông Hứa Đức T); Vắng mặt

Cùng địa chỉ: phường V, N, Khánh Hòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Văn Đ, bà Võ Thị C; cùng trú tại: 46A P, N, Khánh Hòa; Vắng mặt

2. Ông Trần H D, sinh năm 1960; địa chỉ: V, N, Khánh Hòa; Vắng mặt

3. Ông Hứa Văn T, sinh năm 1945; địa chỉ: phường V, N, Khánh Hòa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Cố Hứa Văn C (chết không rõ năm) có vợ là cố Trần Thị T (chết năm 1939), không để lại di chúc, có 03 người con chung là:

1. Cụ Hứa Văn T (tức Châu, chết không rõ năm) có vợ là cụ Nguyễn Thị T, có con là ông Hứa T;

2. Cụ Hứa P;

3. Cụ Hứa T (chết năm 1953), không để lại di chúc, có 02 người vợ là:

Vợ thứ nhất là cụ Lê Thị P (chết năm 1940), có 01 người con chung là ông Hứa Đức T (chết ngày 11/3/2011). Ông T có vợ là bà Nguyễn Thị L, có 05 người con chung là anh Hứa Văn T, anh Hứa Đức T (chết ngày 24/1/2015), anh Hứa Đức T, chị Hứa Thị Kim T và anh Hứa Đức T.

Vợ thứ hai là cụ Võ Thị C (chết ngày 12/9/2013), có 02 người con chung là bà Hứa Thị G và ông Hứa Văn Đ.

Tài sản của cố T để lại là 01 mẫu đất theo Địa bộ kiến điền năm 1963 là các thửa 320, 321, 322, 323 thuộc tờ bản đồ số 15 xã V, quận V, tỉnh Khánh Hòa. Ngày 21/4/1969, cụ Hứa P, cụ Nguyễn Thị T và ông Hứa T (vợ và con của cụ Hứa Văn T), ông Hứa Đức T đứng ra lập tờ tương phân chia tài sản của cố T; trong đó ông Hứa Đức T đại diện cho các thừa kế của cụ Hứa T được chia.

Phần phượng tự cố Trần Thị T mang số 320, phần phượng tự này giao cho ông Hứa Đức T trọn quyền hưởng dụng và trách nhiệm cúng giỗ hằng năm vào ngày 27-28/10 âm lịch và được quyền truyền tử lưu tôn vĩnh viễn (trừ trường hợp không có con cháu thừa kế). Phần phượng tự này ông Hứa Đức T lưu hưởng lâu đời, không được quyền bán trừ trường hợp gia tộc đồng ý và có biên bản. Thửa này có diện tích 1.160m^2 (nay là nhà số 60, tổ 3 đường X, Đông Nam, phường V- số mới là số nhà 295, 297, 299 và 301 đường X, phường V, N, Khánh Hòa)

- Phần thực của Hứa Đức T hưởng dụng mang số 321 có diện tích là 1.360m^2 (nay là các nhà số 60A, 62, 64 là Trạm Y tế phường V, nhà Trẻ, nhà đất của ông Lê Thái Sơn) ở tổ 3 đường X, Đông Nam, phường Vĩnh Hải. Trên thửa đất số 320, 321 có nhà, giếng nước.

Ngay sau khi có sự phân chia đất, ông T đã chuyển nhượng toàn bộ lô đất thửa số 321 cho nhiều người.

Năm 1996, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Hứa T còn lại 1.531,08m^2 đất cụ thể: quyền sử dụng đất hiện mang số 60 đường X, phường V do ông T và bà L đang quản lý, sử dụng; quyền sử dụng đất hiện mang số 60A đường X, V do ông Phạm Văn Đ - bà Võ Thị C quản lý, sử dụng (nay là số 303 đường X); quyền sử dụng đất hiện mang số 62 đường X, V do ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị G, ông Hoàng Phi H, bà Lương Thị S quản lý, sử dụng; giá trị 01 nhà ngói, vách đất (hiện không còn), 01 giếng nước hiện do ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị G sử dụng, giá trị 05 cây dừa trên đất số 60A (ông T đã chặt), 01 tủ thờ xưa và 01 bộ ván gỗ (03 tấm) do ông T đang quản lý, số tiền Nhà nước đền bù

khi giải tỏa các lô đất số 60, 62 và 60A và nhà do ông T, ông Đ nhận năm 1995 là 170.000.000đ. Đ thời, đề nghị hủy hợp đồng mua bán giữa ông T và ông Đ.

Ngày 02/3/2010, ngày 19/3/210, ngày 13/8/2010, ngày 28/6/2011 và tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2017, 19/7/2017 và tại biên bản hòa giải ngày 15/9/2017, nguyên đơn Hứa Văn Đ rút yêu cầu đối với quyền sử dụng và các tài sản như sau: Đất hiện do Trạm Y tế phường V quản lý, sử dụng mang ký hiệu số 9; đất của ông Nguyễn Đình N, bà Nguyễn Thị Lan Phương quản lý, sử dụng mang ký hiệu số 10; nhà đất của ông Sơn mang ký hiệu số 11 + 12+ 13 (cả phần ông Sơn đã chuyển nhượng cho người khác); 05 cây dừa (theo biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố N năm 2000 ông T đã chặt); 01 giếng nước (hiện nay thuộc lô 60A đường X do ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị G quản lý); 01 tủ thờ xưa, 01 bộ ván gỗ (03 tấm); 170.000.000đ tiền giải tỏa đất khi Nhà nước giải tỏa mở rộng đường X; toàn bộ công trình xây dựng, vật kiến trúc trên toàn bộ diện tích đất tranh chấp; Đất hiện do ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị G, anh Hoàng Phi H, chị Lương Thị S quản lý, sử dụng mang ký hiệu số 7+8; một phần của lô đất 321 mà ngày 24/4/1989, ông T, bà L chuyển nhượng 315m^2 đất trống cho vợ chồng ông Đ bà C và không yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ủy ban đã cấp cho ông Đ, bà C đối với lô đất này và nguyên đơn Hứa Văn Đ chỉ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản do cụ Hứa T để lại gồm: Lô đất số thửa số 320 (số 60 đường X -nay là các nhà số 295, 297, 299 và 301 đường X, V) do vợ và các con ông T đang quản lý. Trong bản trích đo địa chính thửa đất do Công ty Địa chính Khánh Hòa lập ngày 21/9/2009 mang ký hiệu số 1, 2, 3, 4, 5 có tổng diện tích 700,7m^2 (trong đó diện tích QHGT: 61,3m^2, diện tích còn lại: 639,4m^2). Một phần của lô số 321 hiện do ông Đ và bà C quản lý, sử dụng (ông Hứa Đức T và bà Nguyễn Thị L chuyển nhượng cho ông Đ và bà C sau vào năm 1994 và năm 1997 tức thời điểm đang xảy ra tranh chấp) với diện tích hơn 400m^2. Nguyên đơn xin nhận bằng hiện vật.

Ngày 12/10/2018, nguyên đơn Hứa Văn Đ ủy quyền lại cho ông Hứa Việt A (con trai ông Đ) tham gia vào quá trình tố tụng tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, cũng trong ngày 12/10/2018, ông Hứa Việt A tự khai yêu cầu phân chia di sản cụ Hứa T để lại bao gồm 02 lô đất là 320 và 321 và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Văn Đ và bà Võ Thị C và hủy Tờ Thuận phân ngày 31/3/1969 của Gia tộc họ Hứa.

*__Bị đơn trình bày__: Tại biên bản lời khai của bị đơn ông Hứa Đức T (khi còn sống), bà Nguyễn Thị L, anh Hứa Văn T, anh Hứa Đức T (khi còn sống), anh Hứa Đức T, chị Hứa Thị Kim T và anh Hứa Đức T thừa nhận quan hệ huyết thống, nguồn gốc tài sản và nhà, đất hiện các gia đình đang quản lý như nguyên đơn trình bày là đúng. Nhưng cho rằng năm 1969, gia tộc giao cho ông T 02 lô đất 320, 321 có tổng diện tích 2.520m^2 là tài sản của ông T được hưởng chứ không phải là di sản thừa kế của cụ Hứa T để lại. Ngay sau khi được chia đất ông T đã chuyển nhượng toàn bộ đất tại lô 321 cho nhiều người và những người nhận chuyển nhượng đất của ông T đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ còn lại lô số 320. Ngày 24/01/1999 vợ chồng ông T đã chia toàn bộ cho các con. Khi Nhà nước làm đường X năm 1995 có đền bù hỗ trợ ông, bà là 9.000.000đ. Như

vậy, theo tờ thuận phân ngày 31/3/1969, thì lô đất 320 giao cho cha tôi là ông Hứa Đức T gìn giữ để thờ phụng, đồng thời căn cứ vào đó cha tôi truyền lại cho anh chị em chứng tôi thì trách nhiệm của chúng tôi là gìn giữ và thờ phụng, về phần số tiền ông Hứa Đức T và mẹ là bà Nguyễn Thị L chuyển nhượng cho các cá nhân, chúng tôi không biết rõ nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Văn Đ.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Phạm Văn Đ trình bày: Ngày 24/4/1989, ông và vợ ông là bà Võ

Thị C có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông T 315m^2 đất trống. Do lúc đó không được quyền chuyển nhượng đất nên ông, bà đã làm nhà tạm và viết giấy mua bán là nhà, đất để phường xác nhận. Phần đất này ông, bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1994 và năm 1997, vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng tiếp 415,8m^2 đất của vợ chồng ông T (đất liền với diện tích đất nêu trên). Phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông bà không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Tại bản tự khai ngày 21/4/2017 ông Trần H D trình bày: Ông là cháu ngoài của cụ Hứa Văn T. Nguyên thửa đất số 320 tại "Tờ thuận phân" lập ngày 21/4/1969 có chính quyền chế độ cũ xác nhận, thì Gia tộc giao cho ông Hứa Đức T quản lý, được sử dụng vào việc thờ cúng. Nay ông T mất, ông đề nghị giao lại một phần diện tích thuộc thửa đất nêu trên cho ông Hứa Văn Đ, ngoài ra, ông Trần H D đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử vắng mặt ông.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2017 ông Hứa Văn T, sinh năm 1945 trình bày: Ông là cháu nội của cụ Hứa P. Phần đất mà cụ Hứa P nhận trong phần thừa kế của cố Hứa Văn C và cố Trần Thị T thì ông không có ý kiến gì. Riêng về phần đất của ông Hứa Đức T thì không liên quan gì tới phần đất của cụ Hứa P. Việc ai đang quản lý, sử dụng phần đất của ông T thì ông không biết và cũng không quan tâm.

Ngày 23 tháng 11 năm 1996, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa thụ lý vụ án và tại Quyết định dân sự sơ thẩm số 73 ngày 17/2/1997,

Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa quyết định: Đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự. Ngày 26/2/1997, ông Đ, cụ C và bà G kháng cáo.

Tại Quyết định dân sự phúc thẩm số 04 ngày 15/4/1997, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định: Giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

Ngày 20/3/1998, ông Đ và bà G tiếp tục có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Hứa T là nhà, đất.

Tại Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án số 15 ngày 10/01/2001 Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa quyết định: Đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự. Ngày 17/01/2001, ông Đ, cụ C và bà G kháng cáo.

Tại Quyết định phúc thẩm số 09/QĐPT-DS ngày 28/9/2001, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định: Giữ nguyên quyết định sơ thẩm. Ông Đ, cụ C và bà G khiếu nại.

Tại Quyết định số 171/KNDS ngày 08/11/2002, Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao kháng nghị quyết định phúc thẩm số 09/QĐPT-DS ngày 28/9/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 26/GĐT- DS ngày 25/02/2003, Tòa dân sự Tòa án nhân dân Tối cao quyết định: Hủy Quyết định sơ thẩm số 15 ngày 10/01/2001 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa và Quyết định phúc thẩm số 09/QĐPT-DS ngày 28/9/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa; giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2004/DSST ngày 17/12/2004 Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu *"Tranh chấp di sản thừa kế"* của các nguyên đơn ông Hứa Văn Đ, cụ Võ Thị C và bà Hứa Thị G với bị đơn ông Hứa Đức T về việc đòi chia di sản của cụ Hứa T.

Hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2004/QĐKCTT ngày 14/4/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo. Ngày 22/12/2004, ông Đ kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 45 ngày 02/8/2005, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng quyết định: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2004/DSST ngày 17/12/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết lại vụ án. Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2006/DSST ngày 24/4/2006 Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định: Bác toàn bộ yêu cầu của các nguyên đơn ông Hứa Văn Đ, cụ Võ Thị C và bà Hứa Thị G về việc đòi chia di sản của cụ Hứa T. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo. Ngày 24/4/2006, ông Đ, cụ C và bà G kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 55 ngày 17/8/2006, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng quyết định:

Xác định di sản thừa kế của có Trần Thị T (chết năm 1939) để lại cho con là cụ Hứa T và cụ Hứa T (chết năm 1953) để lại gồm 02 lô đất số 320, 321 có diện tích 2.520m^2, trên đất có nhà, giếng nước và cây ăn trái.

Hàng thừa kế thứ nhất gồm cụ Võ Thị C (vợ của cụ Hứa T) và ông bà: Hứa Đức T, Hứa Văn Đ, Hứa Thị G (03 con đẻ của cụ Hứa T).

Di sản thừa kế được chia là giá trị quyền sử dụng đất của 1.531,68m^2 trên lô đất 320 và 321, nay là nhà đất 60, 60A, 62 đường X, V, N, Khánh Hòa, giá đất là 13.892.800đ, thành tiền là 21.279.323.904đ được chia thành 5 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 4.255.864.780đ.

Ông Hứa Đức T được nhận 02 kỷ phần trị giá là 8,511.729.561đ.

Cụ Võ Thị C được nhận 01 kỷ phần trị giá là 4.255.864.780đ.

Bà Hứa Thị G được nhận 01 kỷ phần trị giá là 4.255.864.780đ.

ÔngHứa Văn Đ được nhận 01 kỷ phần trị giá là 4.255.864.780đ.

Cụ thể:

Ông Hứa Đức T được nhận bằng hiện vật là nhà, đất số 60 đường X, tổ 3 Đông Nam, V, N và các diện tích đất đã chuyển nhượng số 60A, 62 đường X Đông Nam, V, N và có nghĩa vụ thanh toán cho cụ Võ Thị C, Hứa Thị G và Hứa Văn Đ mỗi người 4.255.864.780đ.

Cụ Võ Thị C nhận 4.255.864.780đ do ông Hứa Đức T thối trả lại.

Bà Hứa Thị G nhận 4.255.864.780đ do ông Hứa Đức T thối trả lại.

Ông Hứa Văn Đ nhận 4255.864.780d do ông Hứa Đức T thối trả lại.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí, trách nhiệm do chậm thi hành án.

Ông Hứa Đức T và vợ là bà Nguyễn Thị L khiếu nại cho rằng 02 lô đất 320, 321 không phải là di sản thừa kế của cụ Hứa T mà là của cố Trần Thị T để lại mà năm 1969 gia tộc đã chia cho ông T.

Tại Quyết định kháng nghị số 202/QĐ-KNGĐT-V5 ngày 26/12/2008, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 55 ngày 17/8/2006 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 09/2009/GĐT-DS ngày 13/5/2009 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định: Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 55 ngày 17/8/2006 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng và Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2006/DSST ngày 24/4/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm lại theo đúng qui định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2011/DSST ngày 09/8/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Hứa Văn Đ, bà Võ Thị C và bà Hứa Thị G về việc chia di sản của cụ Hứa T đối với lô đất số 320 và 321 (trừ diện tích đất mang ký hiệu số 9,11,12, 13 trong bản trích đo địa chính thửa đất do Công ty địa chính Khánh Hòa lập ngày 21/9/2009) V, N, Khánh Hòa (nay là nhà 60, 60A, 62 đường X Đông Nam, V và nhà số 78, 79 tổ 4 Đông Nam, V) và không chấp nhận yêu cầu hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn Đông, bà Võ Thị C được cấp vào tháng 01/1997.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Hứa Văn Đ, bà Võ Thị C và bà Hứa Thị G, đình chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất và các tài sản sau: Phần đất hiện do Trạm y tế phường V quản lý; nhà đất của ông Lê Thái Sơn bao gồm cả phần ông Sơn đã chuyển nhượng cho người khác (mang ký hiệu 9, 11, 12, 13 trong bản trích đo địa chính do Công ty địa chính Khánh Hòa lập ngày

21/9/2009); 05 cây dừa (theo biên bản điều tra của Tòa án nhân dân thành phố N năm 2000 ông T đã chặt); 01 giếng nước hiện nay thuộc lô 60A đường X do ông Ngô Văn Hải, bà Nguyễn Thị G quản lý; 01 thờ xưa và 01 bộ ván gỗ (03 tấm) do ông T quản lý; 17.000.000đ tiền giải tỏa đất khi Nhà nước giải tỏa mở rộng đường X; toàn bộ công trình xây dựng vật kiên trúc trên toàn bộ diện tích đất yêu cầu chia thừa kế. (Kèm theo bản trích đo địa chính do Công ty địa chính Khánh Hòa lập ngày 21/9/2009). Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo. Ngày 15/8/2011, ông Hứa Văn Đ, bà Võ Thị C và bà Hứa Thị G kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 38 ngày 26/6/2012, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng quyết định: Chấp nhận một phần kháng cáo của các nguyên đơn. Chấp nhận một phần khởi kiện của cụ Võ Thị C, bà Hứa Thị G và ông Hứa Văn Đ. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2011/DSST ngày 09/8/2011 của Tòa án nhan dân tỉnh Khánh Hòa như sau:

Xác định di sản thừa kế của cố Trần Thị T (chết năm 1939) để lại cho con là cụ Hứa T và cụ Hứa T (chết năm 1953) là lô đất 321 có diện tích 1.515,9m^2.

Hàng thừa kế thứ nhất gồm cụ Võ Thị C (vợ của cụ Hứa T) và các ông bà: Hứa Đức T, Hứa Văn Đ, Hứa Thị G (03 con đẻ của cụ Hứa T).

Di sản được chia là giá trị quyền sử dụng đất của 545,65m^2 trên lô đất 321, nay là nhà 60, 60A, 62 đường X Đông Nam, V, N, Khánh Hòa. Giá đất 28.350.000đ/m^2 thành tiền là 15.469.177.500đ, được chia 04 kỷ phần ông Hứa Đức T, Hứa Văn Đ, Hứa Thị G và cụ Võ Thị C mỗi người được nhận 01 kỷ phần là 3.867.294.375đ.

Ông Hứa Đức T đã chết, vợ ông T là bà Nguyễn Thị L, các con ông T là anh Hứa Văn T, anh Hứa Đức T, anh Hứa Đức T, chị Hứa Thị Kim T và anh Hứa Đức T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hứa Vãn Đ, Hứa Thị G và cụ Võ Thị C mỗi người 3.867.294.375đ. Cụ thể, bà Nguyễn Thị L, anh Hứa Vãn T, anh Hứa Đức T, anh Hứa Đức T, chị Hứa Thị Kim T và anh Hứa Đức T mỗi người phải chịu thối trả 1.933.647.187đ cho các đồng thừa kế là cụ Võ Thị C, Hứa Văn Đ, Hứa Thị G.

Cụ Võ Thị C được nhận 3.867.294.375đ do bà Nguyễn Thị L, anh Hứa Văn T, anh Hứa Đức T, anh Hứa Đức T, chị Hứa Thị Kim T và anh Hứa Đức T thối trả lại.

Ông Hứa Văn Đ được nhận 3.867.294.375đ do bà Nguyễn Thị L, anh Hứa Văn T, anh Hứa Đức T, anh Hứa Đức T, chị Hứa Thị Kim T và anh Hứa Đức T thối trả lại.

Bà Hứa Thị G được nhận 3.867.294.375đ do bà Nguyễn Thị L, anh Hứa Văn T, anh Hứa Đức T, anh Hứa Đức T, chị Hứa Thị Kim T và anh Hứa Đức T thối trả lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí đo vẽ, định giá và nghĩa vụ chậm thi hành án.

Sau khi xét xử phúc thẩm, anh T, anh T, anh T, anh T, chị T và bà L đề nghị xem xét lại Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo trình tự giám đốc thẩm và tại Công văn số 29/CTHA-NV ngày 08/01/2015, Cục thi hành án tỉnh Khánh Hòa kiến nghị xem xét lại Bản án dân sự phúc thẩm số 38 ngày 26/6/2012, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng.

Tại Quyết định số 161/2015/KN-DS ngày 29/5/2015, Chánh án Tòa án nhân dân Tối cáo kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 38 ngày 26/6/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy án;

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 33/2015/GĐT-DS ngày 30/10/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 38 ngày 26/6/2012 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2011/DSST ngày 09/8/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm lại theo pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 08/2019/DS-ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ Điều 30 Luật đất đai năm 1993;

- Căn cứ Điều 145,146 Bộ luật dân sự năm 1995;
- Căn cứ Điều 37; Điều 235, Điều 617 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ điểm 2 khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ:

1.1 Đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Văn Đ, bà Võ Thị C một phần diện tích thửa đất 148 tờ bản đồ số 29, (359 602-l-(ll)) thuộc lô đất số 321 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 108/97 ngày 11/01/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

1.2 Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất và các tài sản trên thửa đất số 321 mang ký hiệu số 7, 8, 9, 10,11,12, 13 trong bản trích đo địa chính thửa đất do Công ty Địa chính Khánh Hòa lập ngày 21/9/2009.

1.3 Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế các tài sản gồm: 05 cây dừa (theo biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố N năm 2000 ông T đã chặt); 01 giếng nước (hiện nay thuộc lô 60A đường X do ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị G quản, lý); 01 tủ thờ xưa, 01 bộ ván gỗ (03 tấm); 170.000.000đ tiền giải tỏa đất khi Nhà nước giải tỏa mở rộng đường X.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu yêu cầu của các nguyên đơn ông Hứa Văn Đ, bà Hứa Thị G, bà Võ Thị C và đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Hứa

Việt A về việc chia di sản thừa kế của cụ Hứa T đối với lô đất 320 (mang ký hiệu số 1,2,3,4,5) theo bản đồ số 29 (359 602-l-(ll)).

3. Không chấp nhận yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hứa Văn Đ về việc hủy tờ Thuận phân của Gia tộc ngày 31/3/1969 và yêu cầu chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất và các tài sản trên thửa đất số 321 ký hiệu số 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 theo bản trích đo địa chính thửa đất do Công ty Địa chính Khánh Hòa lập ngày 21/9/2009.

4. Tuyến bố hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 09/9/1994 và ngày 25/3/1997 giữa bên bán ông Hứa Đức T và bà Nguyễn Thị L và bên mua ông Phạm Văn Đ và bà Võ Thị C là hợp đồng vô hiệu.

Bà Nguyễn Thị L và các ông, bà Hứa Đức T, Hứa Văn T, Hứa Đức T, Hứa Đức T và Hứa Thị Kim T hoàn trả cho ông Phạm Văn Đ, bà Võ Thị C số tiền: 11.560.000 đồng (số tiền theo *"Giấy sang nhượng công khai phá và hoa màu"* ngày 25/3/1997 và ngày 09/09/1994) và bồi thường do hợp đồng vô hiệu số tiền chênh lệch: 11.776.780.000 đồng.

Ông Phạm Văn Đ, bà Võ Thị C giao trả cho bà Nguyễn Thị L và các đồng thừa kế của ông Hứa Đức T là các ông, bà Hứa Đức T, Hứa Văn T, Hứa Đức T, Hứa Đức T và Hứa Thị Kim T quyền quản lý, sử dụng 427,7m^2 tại thửa đất 148 tờ bản đồ số 29 (359 602-1-(11) thuộc lô đất số 321 ký hiệu số 6. (Ông Hứa Đức T chết có vợ là bà Trần Thị H, anh Hứa Đức T, anh Hứa Trần T nhận thay) và có trách nhiệm tháo dỡ căn nhà tiền chế, mái lợp tôn, tường xây gạch diện tích 427,7m^2 theo biên bản định giá ngày 12/4/2019.

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Hứa Văn Đ đối với một phần diện tích thửa đất 148 tờ bản đồ số 29 (359 0021-(11) thuộc lô đất số 321 ký hiệu số 6 với diện tích 427,7m^2. Chia cụ thể như sau:

Ông Hứa Văn Đ nhận 142,56m^2, giao 71,28m^2 kỷ phần của cụ Võ Thị C cho ông Hứa Văn Đ tạm thời quản lý cho các đồng thừa kế của cụ Võ Thị C, thuộc một phần đất thửa số 148 tờ bản đồ số 29 (359 602-l-(ỉl)) thuộc lô đất số 321 (mang ký hiệu số 6.3).

Bà Nguyễn Thị L và các ông, bà Hứa Đức T, Hứa Văn T, Hứa Đức T, Hứa, Đức T và Hứa Thị Kim T nhận 213,84m^2 thuộc một phần đất thửa số 148 tờ bản đồ số 29 (359 602-1-(l1) thuộc lô đất số 321 (mang ký hiệu số 6.2). *(Có bản vẽ kèm theo bản án)*

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 19/7/2019, bị đơn – bà Nguyễn Thị L, các anh Hứa Văn T, Hứa Đức T, Hứa Đức T, Hứa Đức T và chị Hứa Thị Kim T kháng cáo Quyết định của bản án sơ thẩm về các nội dung: Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bên bán là ông Hứa Đức T và bà Nguyễn Thị L với bên mua là ông Phạm Văn Đ và bà Võ Thị C bị vô hiệu là không đúng; năm 1981, ông Hứa văn Đ đã nhận 250m^2 đất và đã cam kết "không đòi hỏi gì về sau nữa " nhưng trong Bản án sơ

thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa lại không đề cập đến phần này;

Ngày 29/8/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Văn Đ và bà Võ Thị C kháng cáo cho rằng: Bản án sơ thẩm Quyết định Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bên bán là ông Hứa Đức T và bà Nguyễn Thị L với bên mua là ông Phạm Văn Đ và bà Võ Thị C bị vô hiệu là không đúng, đề nghị xem xét công nhận Hợp đồng trên là hợp pháp;

Ngày 12/6/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định số 210/QĐKNPT-DS kháng nghị Bản án số 08/2019/DS –ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị hủy Bản án số 08/2019/DS –ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa để xét xử sơ thẩm lại vụ án vì: Xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự không đúng, vi phạm khoản 3 Điều 68, Điều 74, Điều 208, 209 Bộ luật TTDS; Tòa án sơ thẩm chưa xác minh làm rõ, thu thập đầy đủ chứng cứ để giải quyết vụ án; Xác định công sức của ông T, bà L mỗi người 01 kỷ phần thừa kế là không thỏa đáng mà cả 02 người được hưởng 01 kỷ phần mới đúng; Buộc ông T và bà L chịu án phí cũng không đúng với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ về án phí và lệ phí Tòa án

Tại phiên tòa: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên; Kiểm sát viên rút quyết định kháng nghị; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Văn Đ và bà Võ Thị C, giữ nguyên Bản án số 08/2019/DS –ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Sau khi nghe: nội dung kháng cáo của người kháng cáo và ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/7/2019, ông Hứa Văn Đ (Nguyên đơn) trong vụ án chết. Bà Phạm Thị Q (vợ của ông Hứa Văn Đ) và ông Hứa Việt A (con của ông Hứa Văn Đ) khai nhận hàng thừa kế của ông Hứa Văn Đ gồm có: Bà Phạm Thị Q và các con của ông Hứa Văn Đ gồm: Hứa Thị Thùy C, Hứa Thị Thùy T, Hứa Thị Thùy N, Hứa Việt Q, Hứa Thị Thùy T, Hứa Việt C và Hứa Việt H. Hội đồng xét xử xác định những người có tên nêu trên là Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hứa Văn Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Văn Đ và bà Võ Thị C kháng cáo nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt Người kháng cáo.

[1.3]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát rút Quyết định kháng nghị, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn – bà Nguyễn Thị L, các anh Hứa Văn T, Hứa Đức T, Hứa Đức T, Hứa Đức T, chị Hứa Thị Kim T (sau đây gọi là kháng cáo của Bị đơn) và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Văn Đ, bà Võ Thị C cho rằng: Quyết định của Bản án sơ thẩm về nội dung: Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bên bán là ông Hứa Đức T và bà Nguyễn Thị L với bên mua là ông Phạm Văn Đ và bà Võ Thị C bị vô hiệu là không đúng thì thấy:

[2.1]. Theo "*Tờ thuận phân*" lập ngày 31/3/1969 dưới sự thống nhất, phân chia đất của cố Trần Thị T thành 04 phần gồm các lô mang số 320, 321, 322, 323. Trong đó lô đất 320 giao cho ông Hứa Đức T trọn quyền hưởng dụng, có trách nhiệm cúng giỗ hàng năm và được quyền truyền tử lưu tôn vĩnh viễn.

Ông Hứa T và bà Lê Thị P (vợ ông T) được hưởng phần di chúc của cố Trần Thị T là lô đất số 321 theo tờ thuận phân nêu trên. Tại thời điểm trên ông Hứa T và bà Lê Thị P chết nên ông Hứa Đức T là đại diện cho hàng thừa kế nhận và quản lý phần di sản của ông Hứa T để lại.

Diện tích đất mang ký hiệu số 6 tại thửa số 148 tờ bản đồ số 29 (359 602-1-(11)) thuộc lô đất số 321. Ông Hứa T và bà Lê Thị P (vợ ông T) được hưởng phần di chúc của cố Trần Thị T là lô đất số 321 theo tờ thuận phân nêu trên. Tại thời điểm trên ông Hứa T và bà Lê Thị P chết nên ông Hứa Đức T là đại diện cho hàng thừa kế nhận và quản lý phần di sản của ông Hứa T để lại.

[2.2]. Diện tích ông Hứa Đức T, bà Nguyễn Thị L quản lý đã chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Đ, Võ Thị C diện tích là 415,8 m^2 (nay là 427,7m^2) vào các năm 1994 và năm 1997, là tài sản của cụ Hứa T để lại, ông Hứa Đức T là người nhận quản lý. Trong thời gian đang tranh chấp và Tòa án nhân dân thành phố N đã thụ lý giải quyết vụ án nhưng ông Hứa Đức T, bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Văn Đ và bà Võ Thị C biết đây là diện tích đất đang tranh chấp nhưng vẫn tiến hành giao dịch là không phù hợp với pháp luật nên Bản án sơ thẩm áp dụng khoản 3 Điều 30 Luật đất đai năm 1993, Điều 145, Điều 146 Bộ luật dân sự năm 1995, quy định các giao dịch chuyển nhượng tại "Giấy sang nhượng công khai phá và hoa màu" giữa bên mua ông Phạm Văn Đ, bà Võ Thị C và bên bán ông Hứa Đức T bà Nguyễn Thị L có các con Hứa Văn T, Hứa Đức T, Hứa Đức T, Hứa Thị Kim T, Hứa Đức T cùng ký tên, được Ủy bản nhân dân phường V xác nhận, phần đất có diện tích 415m^2 (hiện nay là 427,7m^2) ký hiệu số 6 tại thửa số 148 tờ bản đồ số 29 (359 602-1-(11)) thuộc lô đất số 321 là vô hiệu; đồng thời giải quyết hậu quả của Giao dịch dân sự vô hiệu là có căn cứ. Kháng cáo của của bị đơn – bà Nguyễn Thị L, các anh Hứa Văn T, Hứa Đức T, Hứa Đức T, Hứa Đức T, chị Hứa Thị Kim T và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Văn Đ, bà Võ Thị C về nội dung này là không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng: ông Hứa Văn Đ đã nhận 250m^2 đất và đã cam kết " không đòi hỏi gì về sau nữa " nhưng trong Bản án sơ thẩm số 08/2019/DS –ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa lại không đề cập đến phần này thì thấy:

Tại "*Giấy chia đất*" lập ngày 09/3/1981, ông Hứa Đức T cho ông Hứa Văn Đ 250m^2 đất để làm nhà ở, ổn định cuộc sống. Vợ chồng ông Đ cũng đã cam kết không đòi hỏi gì về sau. Diện tích 250m^2 đất ông Đ đã nhận nằm trong thửa đất mang các ký hiệu số 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 trong bản trích đo địa chính thửa đất do Công ty Địa chính Khánh Hòa lập ngày 21/9/2009 (nằm giữa các thửa mang ký hiệu số 11, 12, 13). Trong quá trình giải quyết vụ án các Nguyên đơn đã rút yêu cầu chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất mang các ký hiệu số 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 trong bản trích đo địa chính thửa đất do Công ty Địa chính Khánh Hòa lập ngày 21/9/2009 trong đó có phần diện tích đất ông T đã cho ông Đ theo "*Giấy chia đất*" lập ngày 09/3/1981 nên Bản án sơ thẩm căn cứ điểm 2 khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ yêu cầu nói trên của các Nguyên đơn và không xem xét việc ông Hứa Văn Đ đã nhận 250m^2 đất trong các thửa đất nói trên là có căn cứ. Kháng cáo của Bị đơn về nội dung này cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Từ những phân tích trên, có căn cứ để khẳng định Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Hứa Văn Đ là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn – bà Nguyễn Thị L, các anh Hứa Văn T, Hứa Đức T, Hứa Đức T, Hứa Đức T, chị Hứa Thị Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Văn Đ, bà Võ Thị C kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên kháng cáo của Bị đơn và Người liên quan không có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và Lệ phí Tòa án; Do kháng cáo không được chấp nhận nên các anh: Hứa Văn T, Hứa Đức T, Hứa Đức T (Hứa Thị H), Hứa Đức T, chị Hứa Thị Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Văn Đ, bà Võ Thị C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và Lệ phí Tòa án;

Từ những nhận định trên .

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: khoản 3 Điều 284, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 210/QĐKNPT-DS Ngày 12/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Không chấp nhận kháng cáo của các Bị đơn - bà Nguyễn Thị L, các anh Hứa Văn T, Hứa Đức T, Hứa Đức T (Hứa Thị H), Hứa Đức T, chị Hứa Thị Kim T và

kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Văn Đ, bà Võ Thị C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Áp dụng: Điều 30 Luật đất đai năm 1993; Điều 145,146 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 37, Điều 235, Điều 617 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Đình chỉ:

1.1 Đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Văn Đ, bà Võ Thị C một phần diện tích thửa đất 148 tờ bản đồ số 29 (359 602-1-(11)) thuộc lô đất số 321 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 108/97 ngày 11/01/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

1.2 Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất và các tài sản trên thửa đất số 321 mang ký hiệu số 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 trong bản trích đo địa chính thửa đất do Công ty Địa chính Khánh Hòa lập ngày 21/9/2009.

1.3 Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế các tài sản gồm: 05 cây dừa (theo biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố N năm 2000 ông T đã chặt); 01 giếng nước (hiện nay thuộc lô 60A đường X do ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị G quản lý); 01 tủ thờ xưa, 01 bộ ván gỗ (03 tấm); 170.000.000đ tiền giải tỏa đất khi Nhà nước giải tỏa mở rộng đường X.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn ông Hứa Văn Đ, bà Hứa Thị G, bà Võ Thị C và đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Hứa Việt A về việc chia di sản thừa kế của cụ Hứa T đối với lô đất 320 (mang ký hiệu số 1,2,3,4,5) theo bản đồ số 29 (359 602-1-(11)).

3. Không chấp nhận yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hứa Văn Đ về việc hủy tờ Thuận phân của Gia tộc ngày 31/3/1969.

4. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 09/9/1994 và ngày 25/3/1997 giữa bên bán ông Hứa Đức T và bà Nguyễn Thị L và bên mua ông Phạm Văn Đ và bà Võ Thị C là hợp đồng vô hiệu.

Bà Nguyễn Thị L và các ông, bà Hứa Đức T, Hứa Văn T, Hứa Đức T, Hứa Đức T và Hứa Thị Kim T hoàn trả cho ông Phạm Văn Đông, bà Võ Thị C số tiền: 11.560.000 đồng (số tiền theo "*Giấy sang nhượng công khai phá và hoa màu*" ngày 25/3/1997 và ngày 09/09/1994) và bồi thường do hợp đồng vô hiệu số tiền chênh lệch: 11.776.780.000 đồng.

Ông Phạm Văn Đ, bà Võ Thị C giao trả cho bà Nguyễn Thị L và các đồng thừa kế của ông Hứa Đức T là các ông, bà Hứa Đức T, Hứa Văn T, Hứa Đức T, Hứa Đức T và Hứa Thị Kim T quyền quản lý, sử dụng 427,7m^2 tại thửa đất 148 tờ bản đồ số 29 (359 602-1-(11)) thuộc lô đất số 321 ký hiệu số 6. (Ông Hứa Đức T chết có vợ là bà Trần Thị H, anh Hứa Đức T, anh Hứa Trần T nhận thay) và có trách nhiệm tháo dỡ căn nhà tiền chế, mái lợp tôn, tường xây gạch diện tích 427,7m^2 theo biên bản định giá ngày 12/4/2019.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Hứa Văn Đ đối với một phần diện tích thửa đất 148 tờ bản đồ số 29 (359 602-1-(11)) thuộc lô đất số 321 ký hiệu số 6 với diện tích 427,7m^2 . Chia cụ thể như sau:

Ông Hứa Văn Đ nhận 142,56m^2, giao 71,28m^2 kỷ phần của cụ Võ Thị C cho ông Hứa Văn Đ tạm thời quản lý cho các đồng thừa kế của cụ Võ Thị C, thuộc một phần đất thửa số 148 tờ bản đồ số 29 (359 602-1-(11)) thuộc lô đất số 321 (mang ký hiệu số 6.3). Do ông Hứa Văn Đ chết nên giao cho bà Phạm Thị Q và anh Hứa Việt A (vợ và con của ông Hứa Văn Đ) đại diện hàng thừa kế thứ nhất của ông Hứa Văn Đ nhận *(Có bản vẽ kèm theo Bản án sơ thẩm).*

Bà Nguyễn Thị L và các ông, bà Hứa Đức T, Hứa Văn T, Hứa Đức T, Hứa Đức T và Hứa Thị Kim T nhận 213,84 m^2 thuộc một phần đất thửa số 148 tờ bản đồ số 29 (359 602-1-(11)) thuộc lô đất số 321 (mang ký hiệu số 6.2). *(Có bản vẽ kèm theo Bản án sơ thẩm)*

6. Án phí phúc thẩm: - Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

+ Các anh: Hứa Đức T, Hứa Đức T (Hứa Thị H), Hứa Văn T, Hứa Đức T và chị Hứa Thị Kim T mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số: 0001026 ngày 23/10/2019 và các biên lai số 0001028, 0001030, 0001031, 0001028 cùng ngày 24/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

+ Ông Phạm Văn Đ, bà Võ Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số: 0001022 ngày 18/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

7. Án phí sơ thẩm và các quyết định khác được thực hiện theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; HS; LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến